

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 3193 /BNV-CCVC

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2025

V/v thẩm định hồ sơ Nghị định
về đào tạo, bồi dưỡng công chức

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện nhiệm vụ được giao¹, Bộ Nội vụ đã xây dựng dự thảo Nghị định về đào tạo, bồi dưỡng công chức (dự thảo Nghị định) theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Để đảm bảo hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) đang được Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 9 (dự kiến ngày 24/6/2025), căn cứ quy định Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Nội vụ trân trọng gửi hồ sơ dự thảo Nghị định để Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ/ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Vụ Pháp chế (để phối hợp);
- Lưu VT, CCVC.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trương Hải Long

¹ Ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình tại Văn bản số 4177/VPCP-TCCV ngày 13/5/2025 của Văn phòng Chính phủ thông báo

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị định về đào tạo, bồi dưỡng công chức

(Phục vụ thẩm định của Bộ Tư pháp)

Kính gửi: Chính phủ

Ngày 13/5/2025, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 4177/VPCP-TCCV thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Hòa Bình đồng ý về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong việc xây dựng Nghị định về đào tạo, bồi dưỡng công chức (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định) để bãi bỏ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP¹.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP ngày / /2025, Bộ Nội vụ trình Chính phủ dự thảo Nghị định như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị

a) Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII: Đặt ra một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 là “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài”.

b) Nghị quyết số 51-NQ/TW²: “Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo theo hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trong nước, kịp thời tháo gỡ những điểm nghẽn, bảo đảm khuôn khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ, khả thi, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; bảo đảm sự đồng bộ, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo”.

¹ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2017 và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2021.

² Nghị quyết 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”.

c) Nghị quyết số 57-NQ/TW³: “Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”.

d) Kết luận số 127-KL/TW: “Nghiên cứu định hướng sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình địa phương 02 cấp”.

đ) Kết luận số 155-KL/TW⁴: “Tập trung chỉ đạo cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tốt yêu cầu phân cấp, phân quyền và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp”.

e) Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại Nghị quyết số 18-NQ/TW⁵, việc giữ chân cán bộ tốt, có năng lực, phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ và thu hút, trọng dụng người có tài năng vào khu vực công là nhiệm vụ cấp thiết.

2. Cơ sở pháp lý

a) Điều 28, Điều 29 Luật Cán bộ, công chức năm 2025.

b) Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

c) Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa (sửa đổi) năm 2025;

d) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

3. Cơ sở thực tiễn

a) Để kịp thời triển khai Luật Cán bộ, công chức năm 2025 sau khi được Quốc hội thông qua và thực hiện hiệu quả, đồng bộ trong việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, với chủ trương tăng cường phân cấp, phân quyền theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm hoạt động thông suốt, không tạo khoảng trống pháp lý và đáp ứng yêu cầu cấp bách về cơ cấu, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, Bộ Nội vụ xây dựng Nghị định về đào tạo, bồi dưỡng công chức để quy định chi tiết Điều 28, Điều 29 Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và đáp ứng yêu cầu các chủ trương nêu trên.

b) Về thực trạng và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ

Trước bối cảnh đất nước ta đang thực hiện quyết liệt công cuộc cải cách tổ chức bộ máy theo hướng tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI), đội ngũ công chức phải đối mặt với nhiều thách thức mới như: khối lượng công việc nhiều hơn, yêu cầu về tiến độ, chất lượng sản phẩm và trách nhiệm cá nhân cao hơn, đồng thời phải nhanh chóng thích nghi với công nghệ số, ứng dụng AI

³ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

⁴ Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025.

⁵ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

để nâng cao hiệu quả trong công việc. Theo đó, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng để kịp thời trang bị, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho công chức theo yêu cầu vị trí việc làm là nhiệm vụ cấp thiết để xây dựng được đội ngũ công chức đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả.

Từ căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị định về đào tạo, bồi dưỡng công chức là cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương của Đảng, tạo hành lang pháp lý để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Ban hành chính sách về đào tạo, bồi dưỡng công chức để đổi mới trong công tác đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm đồng bộ về chính sách đối với công chức trong thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp nhằm xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, hiện đại, đổi mới, sáng tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

a) Bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, đường lối của Đảng về công tác cán bộ, phù hợp với Luật cán bộ, công chức năm 2025; kế thừa các quy định còn phù hợp, bổ sung những nội dung mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với hệ thống văn bản quy định về công chức.

b) Tăng cường phân công, phân cấp, phân quyền; thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong đào tạo, bồi dưỡng công chức của các bộ, ngành, địa phương và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

c) Tập trung bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Đổi mới nội dung chương trình, tài liệu, phương thức bồi dưỡng, tránh trùng lặp về nội dung chương trình, kết hợp kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước trong bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm và tập trung bồi dưỡng (vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ) góp nâng cao chất lượng đội ngũ công chức một cách thực chất; xây dựng các công cụ và kết quả đánh giá năng lực của công chức làm căn cứ xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng.

đ) Xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng công chức của các bộ, ngành, địa phương và nhiệm vụ tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

e) Lấy học viên làm trung tâm, giảm tối đa các loại chứng chỉ chương trình bồi dưỡng không thiết thực, bảo đảm quyền được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.

f) Khuyến khích công chức không ngừng tự nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về nguyên tắc, nội dung, chương trình, hình thức và quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Đối tượng áp dụng

Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã).

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

Để đảm bảo tiến độ, chất lượng xây dựng Nghị định, Bộ Nội vụ đã khẩn trương thực hiện các nội dung công việc sau đây:

1. Xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định và gửi lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương.

2. Lấy ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương và đăng tải Hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự điều chỉnh của Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Nội vụ đã tổng hợp, rà soát, nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý (có Bản tổng hợp tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức), chỉnh sửa dự thảo Nghị định và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định, đề nghị Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định.

4. Ngày/...../2025, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP về việc thẩm định dự thảo Nghị định.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ đã nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định gồm 07 Chương, 45 điều, trong đó:

- Chương I. Quy định chung gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3).
- Chương II. Đào tạo công chức gồm 10 điều (từ Điều 4 đến Điều 13).
- Chương III. Bồi dưỡng công chức gồm 17 điều (từ Điều 14 đến Điều 30).
- Chương IV. Giảng viên gồm 03 điều (từ Điều 31 đến Điều 33).
- Chương V. Kinh phí, quyền lợi, trách nhiệm của công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng gồm 03 điều (từ Điều 34 đến Điều 36).
- Chương VI. Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng gồm 06 điều (từ Điều 37 đến Điều 42).
- Chương VII. Điều khoản thi hành gồm 03 Điều (từ Điều 43 đến Điều 45).

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

2.1. Về yêu cầu đào tạo (Điều 4)

Theo tinh thần đổi mới của Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, công chức khi tuyển dụng phải đáp ứng

tiêu chuẩn về trình độ đào tạo đại học và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng, đồng thời, trước yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong hệ thống công vụ thì công tác đào tạo công chức phải có sự đổi mới, tạo hành lang pháp lý để đào tạo các chuyên ngành mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới và sự phát triển của đất nước, do đó, Bộ Nội vụ đề xuất quy định:

a) Đào tạo bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học cho công chức để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị đối với các chuyên ngành về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

b) Đào tạo trình độ sau đại học cho công chức nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị.

c) Việc đào tạo công chức thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

2.2 Điều kiện cử đi đào tạo (Điều 5)

a) Bộ Nội vụ đề nghị bổ sung quy định điều kiện cử đi đào tạo bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học để đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với lĩnh vực đào tạo gắn với khoa học công nghệ, chuyển đổi số:

- Có thời gian công tác từ đủ 02 năm trở lên và 02 năm liên tục trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Không quá **35 tuổi** tính từ thời điểm được cử đi đào tạo.

- Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất **gấp 03 lần** thời gian đào tạo.

- Chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 4.

b) Bên cạnh quy định về thời gian công tác như trước đây thì tại dự thảo Nghị định này quy định điều kiện đi học sau đại học đối với công chức: (1) Không quá 45 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; (2) Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo.

Việc quy định tăng độ tuổi cử đi đào tạo thạc sĩ lên 45 tuổi và thời gian cam kết công chức công tác tại cơ quan, đơn vị tăng lên 03 lần để phù hợp với độ tuổi nghỉ hưu đã được kéo dài theo quy định tại Bộ Luật Lao động năm 2019 và bảo đảm có chế tài đủ mạnh để giữ chân công chức tiếp tục công tác tại cơ quan, đơn vị cử đi học sau khi công chức hoàn thành khóa đào tạo.

2.3. Thành lập Hội đồng xét đền bù (Điều 10)

Bỏ quy định “Đại diện công đoàn của đơn vị sử dụng công chức” sửa thành “Đại diện cấp ủy của đơn vị sử dụng công chức” vì thực hiện Kết luận số 157-KL/TW ngày 25 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về triển khai thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính thì không thành lập tổ chức công đoàn trong cơ quan hành chính.

2.4 Nội dung bồi dưỡng (Điều 14)

Bộ Nội vụ đề xuất nội dung bồi dưỡng để phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ như sau:

- a) Lý luận chính trị.
- b) Kiến thức quốc phòng và an ninh.
- c) Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước.
- d) Kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.

đ) Công chức được bổ nhiệm vào vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý phải học các chương trình bồi dưỡng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

e) Công chức chuyên môn, nghiệp vụ học các chương trình bồi dưỡng quy định tại khoản 4 Điều này.

2.5. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng (Điều 15)

a) Bộ Nội vụ đề xuất không quy định chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch để phù hợp với quy định về ngạch công chức tại Luật Cán bộ, công chức sửa đổi năm 2025.

b) Bộ Nội vụ đề xuất các loại chương trình, tài liệu bồi dưỡng (không bao gồm chương trình, tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh), cụ thể như sau:

- Bộ Nội vụ đề xuất không quy định chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch để phù hợp với quy định về ngạch công chức tại Luật Cán bộ, công chức sửa đổi năm 2025.

- Tiếp thu ý kiến góp ý, Bộ Nội vụ đề xuất thực hiện chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm cho công chức như sau:

(1) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: Giữ như quy định hiện nay nhưng sửa thành yêu cầu bắt buộc sau khi được bổ nhiệm.

(2) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ: Để phù hợp với chủ trương tập trung bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc và nhu cầu tự nghiên cứu, học tập của công chức quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2025, bảo đảm công chức được trang bị kiến thức, kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện được khối lượng công việc ngày càng nhiều và yêu cầu chất lượng ngày càng cao trong hoạt động công vụ.

2.6. Yêu cầu tham gia các chương trình bồi dưỡng (Điều 16)

Ngoài tiếp thu, kế thừa các quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP, Bộ Nội vụ đề xuất quy định: Công chức phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý. Đồng thời, tăng cường ý thức, trách nhiệm của công chức trong lựa chọn các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị

trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để nâng cao trình độ, năng lực thực thi công vụ, bảo đảm thời gian thực hiện tối thiểu 01 tuần (40 tiết)/năm.

2.7 Quản lý chương trình bồi dưỡng (Điều 17)

Bộ Nội vụ đề xuất quản lý chương trình bồi dưỡng bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương, cụ thể:

a) Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị.

b) Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

a) Bộ Nội vụ xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.

d) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành, quản lý chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức theo ngành, lĩnh vực và thuộc thẩm quyền quản lý.

2.8 Về phân công tổ chức bồi dưỡng (Điều 25)

Bộ Nội vụ đã rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về phân công tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng theo quy định mới tại Nghị định này bảo đảm đồng bộ với thẩm quyền sử dụng công chức và phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; kết hợp phân công và cạnh tranh trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể:

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định;

b) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp xã; chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương; chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương;

c) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

2. Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị được giao bồi dưỡng theo quy định;

b) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

c) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

- a) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;
- b) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;
- c) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

2.9 Hình thức tổ chức bồi dưỡng (Điều 27)

Bộ Nội vụ đề nghị thay loại hình bồi dưỡng “từ xa” thành “trực tuyến” để phù hợp với yêu cầu đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo, bồi dưỡng.

2.10 Về điều khoản thi hành (Điều 44)

Bộ Nội vụ đề nghị quy định khoản chuyển tiếp như sau:

a) Bộ Nội vụ đề nghị quy định khoản chuyển tiếp về thực hiện chế độ, chính sách đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học cho công chức cấp xã theo quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP để tạo điều kiện, cơ hội cho công chức khi có đủ điều kiện về trình độ đào tạo được bố trí vào vị trí việc làm phù hợp và có chế tài dừng thực hiện chế độ, chính sách đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học khi công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện nghỉ theo chế độ quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP⁶.

b) Bộ Nội vụ đề nghị quy định khoản chuyển tiếp “Công chức có chứng chỉ hoàn thành các chương trình bồi dưỡng tại điểm a khoản 5 Điều 17 trong nội dung khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP hoặc đã được bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo, quản lý trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 thì không phải tham gia chương trình bồi dưỡng tương ứng theo quy định tại Nghị định này” để công chức không phải học lại các chương trình bồi dưỡng đã hoàn thành, tạo sự ổn định cho công chức làm việc, không gây xáo trộn và lãng phí nguồn lực, kinh phí trong bồi dưỡng công chức.

3. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: Dự thảo Nghị định không phát sinh về thủ tục hành chính mới.

4. Về phân cấp, phân quyền: Nghị định quy định Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và các Luật khác có liên quan.

⁶ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ).

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN

Nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc triển khai Nghị định được bố trí từ ngân sách nhà nước, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có thể huy động kinh phí để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng công chức từ nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

VII. NỘI DUNG XIN Ý KIẾN

Bộ Nội vụ đề nghị Chính phủ xem xét, cho ý kiến về toàn bộ nội dung của dự thảo Nghị định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định đào tạo, bồi dưỡng công chức, Bộ Nội vụ trân trọng kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Tài liệu gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Bản thuyết minh, so sánh nội dung dự thảo Nghị định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTCP Nguyễn Hòa Bình (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Trương Hải Long;
- Lưu: VT, Vụ CCVC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trương Hải Long

Số: /2025/NĐ-CP
(Dự thảo ngày 02/6/2025)

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
Về đào tạo, bồi dưỡng công chức

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) ngày... tháng... năm 2025;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày.....tháng.....năm 2025;
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh ngày 19 tháng 6 năm 2013;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;
Chính phủ ban hành Nghị định quy định đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về nguyên tắc, nội dung, chương trình, hình thức và quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức.
2. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng:

Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), ở xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã).

Điều 2. Mục tiêu

Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của công chức theo yêu cầu vị trí việc làm nhằm xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp, có phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thực thi nhiệm vụ, tư duy đổi mới, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, hiệu quả quản trị quốc gia, chất lượng phục vụ nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ; gắn với công tác sử dụng, quản lý công chức phù

hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn chất lượng cao của cơ quan, đơn vị.

2. Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; kết hợp phân công và cạnh tranh trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Đề cao ý thức tự học và lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Chương II

ĐÀO TẠO CÔNG CHỨC

Điều 4. Yêu cầu về đào tạo

1. Đào tạo bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học cho công chức để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị đối với các chuyên ngành về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

2. Đào tạo trình độ sau đại học cho công chức nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị.

3. Việc đào tạo công chức thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

Điều 5. Điều kiện cử đi đào tạo

1. Đào tạo bằng tốt nghiệp thứ 2 trình độ đại học

a) Có thời gian công tác từ đủ 02 năm trở lên và 02 năm liên tục trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Không quá 35 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo.

c) Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo.

d) Chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 4.

2. Đào tạo sau đại học

a) Có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên và 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ.

b) Không quá 45 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu.

c) Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo.

d) Chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

3. Công chức được cử đi đào tạo theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn phải đáp ứng yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

Điều 6. Đền bù chi phí đào tạo

Công chức được cử đi đào tạo bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức phải đền bù chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Tự ý bỏ học, bỏ việc trong thời gian đào tạo.
2. Không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp.
3. Đã hoàn thành khóa đào tạo và được cấp văn bằng tốt nghiệp nhưng bỏ việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

Điều 7. Chi phí đền bù và cách tính chi phí đền bù

1. Chi phí đền bù bao gồm học phí và tất cả các khoản chi khác phục vụ khóa đào tạo, không tính lương và các khoản phụ cấp (nếu có).
2. Cách tính chi phí đền bù:
 - a) Đối với trường hợp quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 6 Nghị định này, công chức phải trả 100% chi phí đền bù;
 - b) Đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này, chi phí đền bù được tính theo công thức sau:

$$S = \frac{F}{T1} \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí đền bù;
- F là tổng chi phí do cơ quan, đơn vị cử công chức đi học chi trả theo thực tế cho 01 người tham gia khóa đào tạo;
- T1 là thời gian yêu cầu phải phục vụ sau khi đã hoàn thành khóa đào tạo (hoặc các khóa đào tạo) được tính bằng số tháng làm tròn;
- T2 là thời gian đã phục vụ sau đào tạo được tính bằng số tháng làm tròn.

Ví dụ: Anh A được cơ quan cử đi đào tạo thạc sỹ 02 năm (= 24 tháng), chi phí hết 60 triệu đồng. Theo cam kết, anh A phải phục vụ sau khi đi học về ít nhất là 72 tháng. Sau khi tốt nghiệp, anh A đã phục vụ cho cơ quan được 24 tháng. Sau đó, anh A tự ý bỏ việc. Chi phí đào tạo mà anh A phải đền bù là:

$$S = \frac{60 \text{ triệu đồng}}{72 \text{ tháng}} \times (72 \text{ tháng} - 24 \text{ tháng}) = 40 \text{ triệu đồng}$$

Điều 8. Điều kiện được giảm chi phí đền bù

Mỗi năm công tác của công chức (không tính thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% chi phí đền bù. Trường hợp là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác (không tính thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm tối đa 1,5% chi phí đền bù.

Điều 9. Hội đồng xét đền bù

1. Hội đồng xét đền bù tư vấn giúp Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức xem xét các trường hợp phải đền bù chi phí và kiến nghị chi phí đền bù đào tạo đối với công chức.
2. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc công khai, dân chủ và biểu quyết theo đa số.
3. Hội đồng chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 10. Thành lập Hội đồng xét đền bù

1. Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức thành lập Hội đồng xét đền bù.
2. Hội đồng xét đền bù bao gồm các thành viên:
 - a) 01 đại diện lãnh đạo Vụ (Ban, Phòng) Tổ chức cán bộ, Sở Nội vụ hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức làm Chủ tịch Hội đồng;
 - b) 01 công chức phụ trách đào tạo, bồi dưỡng của Vụ (Ban, Phòng) Tổ chức cán bộ, Sở Nội vụ hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức là Thư ký Hội đồng;
 - c) 01 đại diện cấp ủy của đơn vị sử dụng công chức;
 - d) 01 đại diện bộ phận tài chính - kế toán của cơ quan chi trả các khoản chi phí cho khóa đào tạo;
 - đ) 01 đại diện lãnh đạo đơn vị sử dụng công chức.

Điều 11. Cuộc họp của Hội đồng xét đền bù

1. Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm tổ chức cuộc họp xét đền bù. Cuộc họp của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có đầy đủ các thành viên.
2. Trình tự cuộc họp:
 - a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng;
 - b) Chủ tịch Hội đồng nêu nhiệm vụ và chương trình làm việc của Hội đồng;
 - c) Thư ký Hội đồng đọc các quy định liên quan đến đền bù chi phí đào tạo;
 - d) Đại diện lãnh đạo đơn vị sử dụng công chức báo cáo về quá trình công tác của công chức và xác định trường hợp phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định tại Điều 6 Nghị định này;
 - đ) Đại diện bộ phận tài chính - kế toán quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 báo cáo các khoản chi phí cho khóa đào tạo;
 - e) Hội đồng thảo luận về trường hợp đền bù và chi phí đền bù.
3. Kiến nghị chi phí đền bù của Hội đồng được lập thành văn bản và được gửi đến Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc các cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức chậm nhất 3 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Kinh phí tổ chức cuộc họp của Hội đồng xét đền bù lấy từ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan quản lý công chức.

Điều 12. Quyết định đền bù

Căn cứ kiến nghị của Hội đồng xét đền bù, Người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan, đơn vị được phân cấp quản lý công chức ban hành quyết định đền bù chi phí đào tạo.

Điều 13. Trả và thu hồi chi phí đền bù

1. Chậm nhất trong thời hạn 120 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định đền bù chi phí đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, công chức phải đền bù chi phí đào tạo có trách nhiệm nộp trả đầy đủ chi phí đền bù.

2. Chi phí đền bù được nộp cho cơ quan, đơn vị đã chi trả cho khóa đào tạo.

3. Trong trường hợp không thống nhất việc đền bù chi phí đào tạo, các bên liên quan có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC

Mục 1. NỘI DUNG, CHƯƠNG TRÌNH, CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG

Điều 14. Nội dung bồi dưỡng

1. Lý luận chính trị.
2. Kiến thức quốc phòng và an ninh.
3. Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước.
4. Kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm.
5. Công chức được bổ nhiệm vào vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý phải học các chương trình bồi dưỡng tương ứng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.
6. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ học các chương trình bồi dưỡng quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 15. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lý luận chính trị: Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
2. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh: Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.
3. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, thời gian thực hiện là 04 tuần, gồm:
 - a) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương, gồm:
 - Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã;
 - Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp sở và tương đương;
 - Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng thuộc cấp vụ và tương đương thuộc Bộ;
 - b) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp xã;
 - c) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương;

d) Chương trình, tài liệu bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương.

4. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ, thời gian thực hiện là 01 tuần.

Điều 16. Yêu cầu tham gia các chương trình bồi dưỡng

1. Công chức tham gia học các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Công chức phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.

3. Tăng cường ý thức, trách nhiệm của công chức trong lựa chọn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để nâng cao trình độ, năng lực thực thi công vụ, bảo đảm thời gian thực hiện tối thiểu 01 tuần (40 tiết)/năm.

Điều 17. Quản lý chương trình bồi dưỡng

1. Cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

3. Bộ Nội vụ xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.

4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức theo ngành, lĩnh vực và thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 18. Biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu được biên soạn phải phù hợp với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn.

2. Nội dung chương trình, tài liệu phải bảo đảm kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành; tích hợp, lồng ghép các chương trình bồi dưỡng có nội dung tương đồng; không được trùng lặp. Chương trình, tài liệu phải thường xuyên được bổ sung, cập nhật, nâng cao phù hợp với nhu cầu, yêu cầu và tình hình thực tế.

3. Cơ quan quản lý chương trình tổ chức biên soạn chương trình thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng), các cơ quan, đơn vị biên soạn tài liệu các chương trình được cấp có thẩm quyền giao tổ chức bồi dưỡng.

Điều 19. Thẩm định, phê duyệt chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý phải được thẩm định trước khi ban hành.
2. Chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ phải được phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng.
3. Cơ quan quản lý chương trình tổ chức thẩm định hoặc phê duyệt chương trình bồi dưỡng.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan, đơn vị tổ chức thẩm định hoặc phê duyệt tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn.

Điều 20. Hội đồng thẩm định chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định các chương trình bồi dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý.
2. Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, người đứng đầu các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các cơ quan, đơn vị thành lập hoặc trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn.
3. Hội đồng thẩm định có 05 hoặc 07 thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng, 02 ủy viên kiêm phản biện và các ủy viên khác.
4. Các thành viên Hội đồng phải là những nhà quản lý, khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm, uy tín, trình độ chuyên môn phù hợp và không phải là những người trực tiếp biên soạn chương trình, tài liệu được thẩm định.

Điều 21. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định

1. Chủ tịch Hội đồng:
 - a) Chịu trách nhiệm về hoạt động của Hội đồng;
 - b) Tổ chức thẩm định chương trình, tài liệu theo đúng yêu cầu, thời gian quy định;
 - c) Phân công nhiệm vụ cho các ủy viên Hội đồng;
 - d) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng.
2. Thư ký Hội đồng:
 - a) Giúp Chủ tịch Hội đồng chuẩn bị nội dung, chương trình và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng;
 - b) Ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng;
 - c) Thực hiện các công việc khác do Chủ tịch Hội đồng phân công.
3. Ủy viên Hội đồng:
 - a) Nghiên cứu, chuẩn bị bản nhận xét, đánh giá chương trình, tài liệu;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp thẩm định. Trong trường hợp không tham dự được phải gửi Thư ký Hội đồng bản nhận xét, đánh giá của mình trước ngày tổ chức cuộc họp thẩm định.

Điều 22. Chế độ làm việc và cuộc họp của Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc thảo luận tập thể, bỏ phiếu kín và quyết định theo đa số.

2. Kết quả thẩm định chương trình, tài liệu:

- a) Đạt yêu cầu và đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành;
- b) Đạt yêu cầu nhưng phải chỉnh sửa, hoàn thiện trước khi trình cấp có thẩm quyền ban hành;
- c) Không đạt yêu cầu, phải biên tập và thẩm định lại.

3. Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có mặt ít nhất 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng, trong đó, Chủ tịch và Thư ký Hội đồng không được vắng mặt. Chương trình làm việc của Hội đồng như sau:

- a) Thư ký Hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng;
- b) Hội đồng thông qua chương trình làm việc;
- c) Đại diện cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn trình bày quá trình tổ chức biên soạn và những nội dung cơ bản của chương trình, tài liệu;
- d) Ủy viên Hội đồng trình bày ý kiến phản biện, nhận xét và thảo luận về chương trình, tài liệu;
- đ) Đại diện cơ quan, đơn vị chủ trì biên soạn giải trình những vấn đề liên quan đến chương trình, tài liệu theo đề nghị của ủy viên Hội đồng;
- e) Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu thẩm định theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- g) Ban kiểm phiếu làm việc; Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu; trường hợp kết quả kiểm phiếu cho 02 hoặc 03 mức kết quả thẩm định bằng nhau thì kết quả bỏ phiếu căn cứ vào ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng;
- h) Chủ tịch Hội đồng kết luận nội dung cuộc họp thẩm định;
- i) Hội đồng thông qua biên bản cuộc họp thẩm định.

4. Biên bản cuộc họp:

- a) Ghi đầy đủ các ý kiến phát biểu tại cuộc họp và phải được Chủ tịch và Thư ký Hội đồng ký;
- b) Thể hiện kết luận của Chủ tịch Hội đồng về mức kết quả thẩm định chương trình, tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Trong vòng 12 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp thẩm định, hồ sơ thẩm định chương trình, tài liệu phải được gửi đến cấp có thẩm quyền. Hồ sơ bao gồm:

- a) Bản nhận xét, đánh giá và phiếu thẩm định của các ủy viên Hội đồng;
- b) Biên bản họp thẩm định của Hội đồng, trong đó ghi rõ ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng; biên bản kết quả kiểm phiếu;
- c) Chương trình, tài liệu đã được Hội đồng thẩm định.

6. Căn cứ kết luận của Hội đồng, cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc ban hành chương trình, tài liệu.

7. Kinh phí tổ chức thẩm định lấy từ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức được dự toán trong kinh phí biên soạn chương trình, tài liệu.

Điều 23. Ban hành chương trình, tài liệu

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành và hướng dẫn thực hiện chương trình thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; người đứng đầu các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, các cơ quan, đơn vị quyết định ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tài liệu bồi dưỡng được giao biên soạn.

Điều 24. Chứng chỉ chương trình bồi dưỡng

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ các chương trình bồi dưỡng được giao thực hiện.

2. Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể về quản lý, sử dụng và mẫu chứng chỉ.

Mục 1

TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG

Điều 25. Phân công tổ chức bồi dưỡng

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị theo quy định;

b) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp xã; chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương; chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp vụ và tương đương;

c) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

2. Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị được giao bồi dưỡng theo quy định;

b) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

c) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

3. Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương tổ chức bồi dưỡng các chương trình sau:

a) Chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước bắt buộc sau khi bổ nhiệm vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương;

b) Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao.

Điều 26. Phương pháp bồi dưỡng

Bồi dưỡng bằng phương pháp tích cực, phát huy tính tự giác, chủ động và tư duy sáng tạo của người học, tăng cường trao đổi thông tin, kiến thức và kinh nghiệm giữa giảng viên với học viên và giữa các học viên.

Điều 27. Hình thức tổ chức bồi dưỡng

1. Tập trung.
2. Bán tập trung.
3. Trục tuyến.

Điều 28. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng

1. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng nhằm cung cấp thông tin về mức độ nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, công vụ của công chức sau khi được bồi dưỡng.
2. Đánh giá chất lượng bồi dưỡng phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, trung thực.
3. Nội dung đánh giá chất lượng bồi dưỡng gồm:
 - a) Đánh giá chất lượng chương trình bồi dưỡng;
 - b) Đánh giá chất lượng học viên tham gia khóa bồi dưỡng;
 - c) Đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên tham gia khóa bồi dưỡng;
 - d) Đánh giá chất lượng cơ sở vật chất phục vụ khóa bồi dưỡng;
 - đ) Đánh giá chất lượng khóa bồi dưỡng công chức;
 - e) Đánh giá hiệu quả sau bồi dưỡng công chức.
4. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng do cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tổ chức thực hiện hoặc thuê cơ quan đánh giá độc lập.
5. Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể về đánh giá chất lượng bồi dưỡng công chức.

Mục 2

**BỒI DƯỠNG Ở NƯỚC NGOÀI BẰNG NGUỒN
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Điều 29. Yêu cầu

1. Quốc gia được chọn để cử công chức đến học tập phải đáp ứng những yêu cầu sau:
 - a) Có nền hành chính hiện đại, có kinh nghiệm quản lý về lĩnh vực cần học tập, nghiên cứu và có thể áp dụng ở Việt Nam;
 - b) Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có các điều kiện học tập, nghiên cứu, phương pháp giảng dạy đáp ứng được mục đích, nội dung, chương trình của khóa bồi dưỡng.
2. Việc tổ chức bồi dưỡng ở nước ngoài phải bảo đảm công khai, minh bạch, chất lượng và hiệu quả.
3. Việc cử công chức đi bồi dưỡng ở nước ngoài phải bảo đảm phù hợp với vị trí việc làm và nhu cầu của cơ quan, đơn vị.

Điều 30. Điều kiện bồi dưỡng ở nước ngoài

1. Đối với các khóa bồi dưỡng có thời gian dưới 01 tháng, công chức phải còn đủ tuổi để công tác ít nhất 18 tháng tính từ khi khóa bồi dưỡng bắt đầu.
2. Đối với các khóa bồi dưỡng có thời gian từ 01 tháng trở lên, công chức phải còn đủ tuổi để công tác ít nhất 02 năm tính từ khi khóa bồi dưỡng bắt đầu.
3. Không trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật hoặc trong thời gian thi hành kỷ luật từ khiển trách trở lên; không thuộc trường hợp chưa được xuất cảnh, nhập cảnh theo quy định của pháp luật.
4. Công chức được cử đi bồi dưỡng phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm trước liền kề.
5. Chuyên môn, nghiệp vụ của công chức được cử đi bồi dưỡng phải phù hợp với nội dung của khóa bồi dưỡng.
6. Có sức khỏe bảo đảm đáp ứng yêu cầu khóa bồi dưỡng.

Chương IV GIẢNG VIÊN

Điều 31. Giảng viên đào tạo, bồi dưỡng công chức

1. Giảng viên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; giảng viên kiêm nhiệm.
2. Người được mời thỉnh giảng.

Điều 32. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách của giảng viên đào tạo, bồi dưỡng công chức

1. Tiêu chuẩn
 - a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
 - b) Phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức lối sống lành mạnh;
 - c) Đạt chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn theo quy định;
 - d) Có trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước, tin học, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao;
 - đ) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
 - e) Lý lịch bản thân rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chính trị.
2. Nhiệm vụ
 - a) Biên soạn chương trình, tài liệu và giảng dạy theo quy định;
 - b) Nghiên cứu khoa học và công nghệ;
 - c) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ.
3. Chế độ, chính sách
 - a) Chế độ, chính sách đối với giảng viên Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh do cấp có thẩm quyền quy định;
 - b) Giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được hưởng chế độ, chính sách của giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học.

Điều 33. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách của người được mời thỉnh giảng

1. Đối với công dân Việt Nam

a) Bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định tại các điểm a, b, c, đ, e khoản 1 Điều 32 và có trình độ lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu;

b) Thực hiện đúng nhiệm vụ giảng dạy theo nội dung hợp đồng đã ký kết;

c) Được hưởng các chế độ, chính sách căn cứ theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

2. Đối với người nước ngoài

a) Có thái độ chính trị phù hợp với thể chế chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tuân thủ pháp luật của Việt Nam;

b) Đáp ứng yêu cầu về kiến thức, năng lực giảng dạy;

c) Được hưởng các chế độ, chính sách căn cứ theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

Chương V

KINH PHÍ, QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 34. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức do ngân sách nhà nước cấp, kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức, của công chức, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, công chức là người dân tộc thiểu số. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác để hỗ trợ cho công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng hình thức đào tạo, bồi dưỡng và chính sách hỗ trợ cho công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi, công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 35. Quyền lợi của công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;

- b) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;
- c) Được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;
- d) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng.

2. Công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

3. Công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

Điều 36. Trách nhiệm của công chức

- 1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.
- 2. Thực hiện quy chế đào tạo và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia khóa đào tạo.
- 3. Thực hiện quy định về đền bù chi phí đào tạo.

Chương VI

QUẢN LÝ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Nội vụ

- 1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng công chức.
- 2. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền chiến lược, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; theo dõi, tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức của các bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- 3. Xây dựng kế hoạch, quản lý, hướng dẫn công tác bồi dưỡng công chức ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách nhà nước. Tổ chức các khóa bồi dưỡng công chức ở nước ngoài theo thẩm quyền.
- 4. Tổng hợp nhu cầu, đề xuất kinh phí đào tạo, bồi dưỡng gửi Bộ Tài chính cân đối, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- 5. Quản lý, biên soạn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.
- 6. Kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức.
- 7. Tổ chức các hoạt động thi đua, khen thưởng trong đào tạo, bồi dưỡng công chức.

Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương

- 1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức thuộc phạm vi quản lý.

2. Xây dựng, ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng khuyến khích công chức không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm trong nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác.

3. Tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

4. Cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền.

5. Tổ chức các khóa bồi dưỡng công chức ở nước ngoài theo thẩm quyền.

6. Quản lý và biên soạn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.

7. Quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và đội ngũ giảng viên theo thẩm quyền.

8. Kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

1. Cân đối, bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng trong nước và ở nước ngoài trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết, quy chế về chế độ, chính sách đặc thù, chính sách khuyến khích công chức không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm trong nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, năng lực công tác; bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức thuộc phạm vi quản lý.

3. Tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

4. Cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền.

5. Quản lý và biên soạn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng công chức theo thẩm quyền.

6. Quản lý cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và đội ngũ giảng viên theo thẩm quyền.

7. Kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng theo thẩm quyền.

Điều 41. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng công chức

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Đề xuất biên soạn và lựa chọn chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm của công chức.

3. Tạo điều kiện để công chức tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; tự nghiên cứu, tự học tập nâng cao trình độ.

Điều 42. Chế độ báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả

đào tạo, bồi dưỡng công chức hằng năm về Bộ Nội vụ trước ngày 31 tháng 01 của năm sau liền kề hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Vụ (Ban) Tổ chức cán bộ các bộ, cơ quan ngang bộ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức có trách nhiệm tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng công chức gửi Bộ Nội vụ và cơ quan có thẩm quyền.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Điều khoản áp dụng

Người làm việc trong tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoạt động trong phạm vi cả nước, theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao được áp dụng các quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức quy định tại Nghị định này.

Điều 44. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

2. Nghị định này bãi bỏ các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 10 năm 2017 và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2021.

3. Công chức có chứng chỉ hoàn thành các chương trình bồi dưỡng tại điểm a khoản 5 Điều 17 trong nội dung khoản 4 Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP hoặc đã được bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo, quản lý trước ngày 30 tháng 6 năm 2025 thì không phải tham gia chương trình bồi dưỡng tương ứng theo quy định tại Nghị định này.

4. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, công chức cấp xã đang được cử đi học trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học theo quy định của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP nếu được cơ quan có thẩm quyền dự kiến bố trí vào vị trí việc làm phù hợp với trình độ đào tạo thì tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách cho người được cử đi đào tạo đến khi hoàn thành khóa đào tạo theo quy định. Trường hợp công chức cấp xã đang học trung cấp, cao đẳng, đại học theo quy định mà đã được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) thì

không tiếp tục được hưởng chế độ, chính sách về đào tạo theo quy định của Nghị định này.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, người đứng đầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính